TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN ĐƯỚC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày: 26/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quốc Thịnh
2. Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký TAND huyện Cần Đước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Đước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 08/5/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 11/5/2020, đối với bị cáo:

Lưu Văn H, sinh năm 1984. Nơi ĐKNKTT: Ấp N, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Lưu Văn Q và bà Nguyễn Thị B (chết); vợ Đặng Thị Hồng G, con 02 người, sinh năm 2007 và 2017; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/02/2020 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 2003.
Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Long An.
Người đại diện hợp pháp cho người bị hại:
1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1982.
2. Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1979.

(Ông Nguyễn Văn B với bà Nguyễn Thị Phương T là cha mẹ ruột của Nguyễn Ngọc T, vắng mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1957. (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người làm chứng: Anh Đặng Quốc H, sinh năm: 2002 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 6, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lưu Văn H quen biết với B (chưa rõ họ tên, địa chỉ) qua mạng xã hội nên cả hai hẹn nhau đi chơi tại Công viên huyện C. Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 10/01/2020 B dùng xe môtô không rõ biển số chở H, khi đến khu vực ấp 2, xã T, huyện C thì hai bên xảy ra cự cãi nên H xuống xe đi bộ còn B chạy xe đi. Khoảng 20 giờ cùng ngày, khi đang đi bộ trước tiệm uốn tóc của chị Trần Thị Ngọc L thuộc ấp M, xã M, huyện C thì bị cáo H nhìn thấy một xe môtô hiệu Honda Blade biển số 62L1-305.74 là của anh Nguyễn Ngọc T dựng trước cửa tiệm. Khi quan sát không người trông giữ và có sẵn chìa khóa trên xe nên bị cáo H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe làm phương tiện chạy về nhà. H lén lút tiếp cận quay đầu xe khỏi vị trí ban đầu khoảng 50cm thì lúc này anh Đặng Quốc H là bạn đi cùng anh Nguyễn Ngọc T từ trong tiệm uốn tóc đi ra phát hiện tri hô và dùng chân đạp vào xe làm xe bị ngã, bị cáo H bỏ chạy nhưng bị T, H cùng người dân đuổi bắt giao Công an xã M giải quyết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS ngày 31/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Cần Đước kết luận: một xe môtô nhãn hiệu Honda Blade biển số 62L1-305.74 có giá trị là 9.330.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo khai vì để có phương tiện đi về nhà nên khi thấy xe của anh Nguyễn Ngọc T đậu trước cửa tiệm uốn tóc không người trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh T. Bị cáo bị truy cứu về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng, không oan sai. Bị cáo Lưu Văn H khai nhận hành vi như trên và xác định những lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Đước là do bị cáo tự khai ra; không bị bất kỳ ai hướng dẫn, ép cung hay bức cung để khai nhận hành vi phạm tội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn A trình bày: xe môtô nhãn hiệu Honda Blade biển số 62L1-305.74 là thuộc quyền sở hữu của ông. Ông có cho anh Nguyễn Ngọc T sử dụng để làm phương tiện đi lại nhưng vào ngày 10/01/2020 bị Lưu Văn H chiếm đoạt. Đối với tài sản bị mất ông đã thu hồi được nên không yêu cầu về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số: 14/CT-VKSCĐ ngày 08/5/2020, của VKSND huyện Cần Đước, đã truy tố bị cáo Lưu Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đã truy tố của Viện kiểm sát đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tang vật thu giữ đã trả lại cho bị hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có con nhỏ. Xét bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải về việc làm sai trái. Đây là những tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại Điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS và bị cáo phạm tội chưa đạt do nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn, bị người khác phát hiện nên không thể thực hiện hành vi phạm tội đến cùng theo quy định tại Điều 57 BLHS khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Như vậy, căn cứ tính chất phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS.

- Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173 BLHS, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38, Điều 50; Điều 57 và Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Lưu Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo làm thuê để kiếm sống không tạo ra thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền theo Khoản 5, Điều 173 BLHS.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTHS, đề nghị HĐXX như sau:

Cơ quan điều tra có tạm giữ 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 62L1-305.74. Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự: không.

Bị cáo Lưu Văn H đồng ý với tội danh như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo trình bày rất hối hận về hành vi phạm tội, xin lỗi người bị hại và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Đước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo cùng người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hội đồng xét xử xét: Lời khai nhận của bị cáo Lưu Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường của vụ án và Kết luận định giá. Hơn nữa, vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập tại cơ quan Cảnh sát điều tra.

Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên toà, xét có đủ cơ sở kết luận rằng: Bị cáo Lưu Văn H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vào khoảng 20 giờ ngày 10/01/2020 bị cáo H khi đi bộ đến khu vực thuộc ấp M, xã M, huyện C thì nhìn thấy một xe môtô hiệu Honda Blade biển số 62L1-305.74 của anh Nguyễn Ngọc T đậu trước tiệm uốn tóc N không người trông giữ nên bị cáo H đến gần xe và lén lút tiếp cận quay đầu xe khỏi vị trí ban đầu khoảng 50cm nhưng bị phát hiện và bắt giữ. Hành vi của bị cáo H chiếm đoạt tài sản của người bị hại là thể hiện sự lén

lút, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 9.330.000đồng, được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và được quy định như sau: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tại không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

Như vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước đã truy tố bị cáo Lưu Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội; bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; ăn năn hối cải về việc làm sai trái; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tang vật thu giữ đã trả lại cho bị hại, có con nhỏ. Ông Nguyễn Văn A xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị.

[4] Xét hình phạt: Tội phạm do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng đối với bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Xét thấy bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, có khả năng tự cải tạo, việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhưng cho hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng"*. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Không.

[8] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lưu Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điều 15; Điều 38; Điều 50; điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/5/2020.

Giao bị cáo Lưu Văn H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo (bị cáo H) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo (bị cáo H) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về án phí:

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lưu Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

[5]Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cần Đước;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Cần Đước;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Cần Đước;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Nhung